

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

*Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam*

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán gói thầu, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm đồ vải năm 2024 ”.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang kính mời các quý Công ty báo giá theo nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang

2. Người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá :

- Ông : Nguyễn Trinh Vũ – Phòng Hành chính Bệnh viện đa khoa tỉnh

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Phòng văn thư, Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá : Từ 08h ngày 14 tháng 11 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 19 tháng 11 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày . Tính từ ngày hết hạn Thư mời báo giá.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

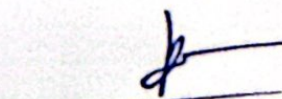
( Theo danh mục đính kèm )

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
  3. Thời gian dự kiến thực hiện dịch vụ: Ngay sau khi ký hợp đồng
  4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
    - Thanh toán trong tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên thanh lý hợp đồng.
- Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT; HCQT

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hưng Đạo**

Danh mục đính kèm thư mời chào giá số : 356 / TMBG-BVDK ngày 14/11/2024

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
1	Áo mổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 147.8 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.8)x(-1.4) ± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) :4-5</li> </ul> <p>- Kiểu dáng: Áo phẫu thuật dài tay, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6 cm, buộc dây phía sau. In Logo bệnh viện phía ngực trái</p>	Cái	100
2	Quần áo của phẫu thuật viên cỡ to:	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 147.8 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.8)x(-1.4) ± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) :4-5</li> </ul> <p>- Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, dài tay, cổ trái tim (viền xanh lơ phía sau cổ) chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. In Logo bệnh viện phía ngực trái</p> <p>Quần:</p>	Bộ	100

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 147.8 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.8)x(-1.4) ± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): 4-5</li> <li>- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau;</li> </ul>		
3	Quần áo của phẫu thuật viên cỡ nhỏ	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 147.8 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.8)x(-1.4) ± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): 4-5</li> </ul> <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 147.8 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2</li> </ul> </li> </ul> <p>- Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, dài tay, cổ trái tim (viền vàng phía sau cổ) chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. In Logo bệnh viện phía ngực trái;</p>	Bộ	150

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
4	Quần áo của phẫu thuật viên cỡ nhỏ	<p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang <math>(-0.8) \times (-1.4) \pm 0.2</math></p> <p>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): 4-5</p> <p>- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p style="text-align: center;"><b>Áo</b></p> <p>Màu sắc: màu xanh két;</p> <p>- Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>): 147.8 ± 2;</p> <p>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang <math>(-0.8) \times (-1.4) \pm 0.2</math></p> <p>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): 4-5</p> <p>- Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, dài tay, cổ trái tim (viền vàng phía sau cổ) chui đầu, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. In Logo bệnh viện phía ngực trái;</p> <p style="text-align: center;"><b>Quần</b></p> <p>- Màu sắc: màu xanh két;</p> <p>- Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>): 147.8 ± 2;</p> <p>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 240x230±2</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang <math>(-0.8) \times (-1.4) \pm 0.2</math></p> <p>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): 4-5</p> <p>- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p>	Bộ	150
5	Áo An toàn	<p>- Màu sắc: Màu trắng;</p>	Cái	37

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
	sinh học mặc trong phòng xét nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kate ford hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 161.7 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 280x267±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.8)x(-0.8) ± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> </ul>		
6	Áo bệnh nhân cỡ nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Áo dài tay bo chun tay 5cm, cài cúc giữa, cổ ve, màu trắng, chiều dài áo dưới gối 5-10cm, phía trước có 2 túi, trước ngực in logo bệnh viện;</li> <li>- Màu sắc: Vải Trắng sọc đen;</li> <li>- Chất liệu: Vải cotton hoặc kate;</li> <li>+Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 96.0 ±2</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1) ± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> </ul>	Cái	300
7	Áo bệnh nhân cỡ to	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi. In Logo bệnh viện phía ngực trái( May ghi số 1 phía sau cổ)</li> <li>- Màu sắc: Vải Trắng sọc đen;</li> <li>- Chất liệu: Vải cotton hoặc kate;</li> <li>+Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 96.0 ±2</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> </ul>	Cái	800

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
		trước có 3 túi. In Logo bệnh viện phía ngực trái( May ghi số 3 phía sau cổ)		
8	Quần bệnh nhân cỡ nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo;</li> <li>- Chất liệu: Vải cotton hoặc kate;;</li> <li>+Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 96.0 ±2</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> <li>- Kiểu dáng: Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau;( May ghi số 1 phía sau cặp quần)</li> </ul>	Cái	200
9	Quần áo bệnh nhân cỡ nhỏ	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Vải Trắng sọc đen;</li> <li>- Chất liệu: Vải cotton hoặc kate;</li> <li>+Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 96.0 ±2</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> <li>- Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi. In Logo bệnh viện phía ngực trái( May ghi số 2 phía sau cổ)</li> </ul> <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo;</li> <li>- Chất liệu: Vải cotton hoặc kate;;</li> <li>+Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 96.0 ±2</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1) ± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> </ul>	Bộ	400

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
10	Quần bệnh nhân cỡ to	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau;;( May ghi số 2 phía sau cạp quần)</li> <li>- Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo;               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải cotton hoặc kate;;</li> <li>+Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 96.0 ±2</li> </ul> </li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1) ± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> <li>- Kiểu dáng: Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau;;( May ghi số 3 phía sau cạp quần)</li> </ul>	Cái	400
11	Quần thùng nội soi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vải Trắng sọc đen;( Theo mẫu )</li> <li>+Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>): 96.0 ±2</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 347x267±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.1)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> <li>- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo , May lỗ thừng phía sau mông</li> </ul>	Cái	100
12	Dây buộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,5cm x 6m;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	200



STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
13	Dây buộc dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 2cm x 1,2m;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh kút;</li> <li>- Chất liệu: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	400
14	Ga giường bệnh nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,4 m x 2.4m;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh kút;</li> <li>- Chất liệu: kaki xanh kút hoặc tương đương;</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	1000
15	Lõi Chấn bóng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,9m x 1,6m;</li> <li>- Màu sắc: Trắng</li> <li>-Trọng lượng:1600 g</li> <li>- Chất liệu: Lõi chấn bóng siêu nhẹ;</li> <li>- Hãng sản xuất: Nam Định- Việt Nam hoặc tương đương;</li> </ul>	Cái	300
16	Túi nội soi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 40cm x 35cm (May theo mẫu);</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh kút;</li> <li>- Chất liệu: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> </ul>	Cái	200

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang <math>(-0.1) \times (-0.2) \neq 0.2</math></li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>		
17	Váy sản phụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Màu trắng;</li> <li>- Chất liệu vải: Vải Thô Nam định hoặc tương đương               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải :</li> <li>+ Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>):176.6±2</li> </ul> </li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 300x236±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang <math>(-0.2) \times (-0.3) \neq 0.2</math></li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) :4-5</li> </ul> <p>- Kiểu dáng: Chân váy rời, lưng kéo dây rút, chiều dài quá gối 20 cm. In Logo bệnh viện</p>	Cái	600
18	Vỏ chăn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,65m x 1,95m;</li> <li>- Màu sắc: vải hoa;</li> <li>- Chất liệu: Vải chéo;</li> <li>- In Logo bệnh viện;</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</li> <li>+ Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>):97.8 ±2</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 435x293±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang <math>(-0.3) \times (0.0) \neq 0.2</math></li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) :4-5</li> </ul>	Cái	1000
19	Xăng bàn tit	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,7 m x 1,7m;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> </ul>	Cái	400

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
20	Xăng có lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> <li>- Kích thước: 60 cm x : 60 cm</li> <li>- Chất liệu: Kaki xanh kết hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	100
21	Xăng có lỗ khoa Nội thận khốp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kích thước: 80cm x 80cm;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh kết;</li> <li>- Chất liệu: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	100
22	Xăng có lỗ; Khoa Tai mũi họng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 40m x 40m;</li> <li>- Chất liệu: Kaki xanh kết hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> </ul>	Cái	30

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
23	Xăng chụp can thiệp mạch 2 lỗ khoa chân đoán hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> <li>- Kích thước: 1,5 m x 1,5m.</li> <li>- Chất liệu: Kaki xanh kết hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	30
24	Xăng đón bé (May 2 lớp) khoa phụ sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,5 m x 1,5m;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh kết;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+ Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	800
25	Xăng đóng gói dụng cụ (May 2 lớp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 80cm x 80cm;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh kết;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> </ul>	Cái	700

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
26	Xăng mờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> <li>- Kích thước: 1,5 m x 1,5m.</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	900
27	Xăng mờ (May 2 lớp)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,2 m x 1,2m;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</li> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> </ul>	Cái	400
28	Xăng mờ mắt ( Lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1m x 80cm</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> </ul>	Cái	100

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
	tròn: 5cm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>		
29	Xăng phẫu thuật có lỗ sinh thiết khoa chuẩn đoán hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,2 m x 1,2m.</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	20
30	Xăng phẫu thuật không lỗ can thiệp mạch khoa chuẩn đoán hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1,2 m x 1,2m.</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2) ± 0.2</li> </ul>	Cái	30

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
31	Xăng tuyền sống có lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> <li>- Kích thước: 1 m x 1m;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	100
32	Xăng thông tiểu có lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 1 m x 1m;</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy NaClO (cấp) : 4</li> </ul>	Cái	100
33	Xăng trải bàn can thiệp mạch khoa chuẩn đoán hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kích thước: 1,7 m x 2,5 m.</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh két;</li> <li>- Chất liệu vải: Kaki hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) 239.5 ± 2;</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 465x250±2</li> </ul> </li> </ul>	Cái	30

STT	Danh mục	Chất liệu, quy cách, đặc điểm kỹ thuật (May theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-0.1)x(-0.2)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) : 4</li> </ul>		
34	Xăng vải phin trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 80 x 80 cm;</li> <li>- Chất liệu vải: Vải Phin Trắng hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải :               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối lượng vải (G/M<sup>2</sup>):142.5 ±2</li> <li>+ Mật độ vải sợi 10cm: dọc x ngang 236x236±2</li> </ul> </li> <li>+ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc x ngang (-2.9)x(-4.6)± 0.2</li> <li>+ Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp) :4-5</li> </ul> <p>- Kiểu dáng: Chân váy rời, lưng kéo dây rút, chiều dài quá gối 20cm . In logo Bệnh Viện.</p>	Cái	1000